

Số: 1507478

|                                            | Kia Sorento 2.2D Signature (6 chỗ) Nội thất nâu | Peugeot 408 GT         |
|--------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|
| Giá niêm yết:                              | 1.209.000.000đ                                  | 1.269.000.000đ         |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                                                 |                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4810 x 1900 x 1700                              | 4687 x 1850 x 1510     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2815                                            | 2787                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5780                                            |                        |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 176                                             | 189                    |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1890   1860                                     | 1500                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2430   2490                                     | 1950                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 357                                             | 536                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 67                                              | 52                     |
| Số chỗ ngồi                                | 6                                               | 5                      |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                                | SX-LR trong nước       |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                                                 |                        |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                                | 1,6T PureTech          |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                                            | 1598                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 198/3800                                        | 218 / 5500             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440/1750-2750                                   | 300 / 2000             |
| Hộp số                                     | 8-DCT                                           | 8AT                    |
| Hệ thống dẫn động                          | 2 cầu (AWD)                                     | Cầu trước (FWD)        |
| Hệ thống treo trước                        | McPherson                                       | Độc lập Mc Pherson     |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                                | Bán Độc Lập            |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                             | Đĩa                    |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                             | Đĩa                    |
| Thông số lốp xe                            | 235/55R19                                       | 245/40 R20             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.4                                             | 10.09                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.3                                             | 6.64                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.1                                             | 7.93                   |
| Chế độ lái                                 | Comfort/Eco/Sport/Smart                         | Eco/Normal/Sport       |
| Chế độ địa hình                            | Snow/Mud/Sand/Terrain Mode                      | -                      |
| NGOẠI THẤT:                                |                                                 |                        |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                                   | Matrix LED             |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                                               | ● (Phân vùng ánh sáng) |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                               | ●                      |
| Đèn sương mù                               | LED                                             | -                      |
| Cụm đèn sau                                | LED                                             | Nhận diện phiên bản GT |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                               | ●                      |
| Gạt mưa tự động                            | ●                                               | ●                      |
| Cửa sổ trời                                | ●                                               | ●                      |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                                                 |                        |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                               | ● (Phong cách GT)      |
| Chất liệu ghế                              | Da (nâu)                                        | Da Nappa               |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                               | ●                      |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                                               | ●                      |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện       | ●                                               | ●                      |

|                                     |                                |              |
|-------------------------------------|--------------------------------|--------------|
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát | ●                              | -            |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi    | ● (+ sưởi hàng ghế 2, vô lăng) | ●            |
| Kính cửa sổ chỉnh điện              | ●                              | ●            |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin       | 12.3"                          | Digital 10   |
| Màn hình HUD                        | ●                              | -            |
| Màn hình giải trí trung tâm         | AVN 10.25"                     | Digital 10   |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto  | ●                              | ●            |
| Hệ thống điều hòa tự động           | ●                              | ●            |
| Số vùng khí hậu điều hòa            | 2 vùng                         | 2            |
| Cửa gió cho hàng ghế sau            | ●                              | ●            |
| Chìa khóa thông minh                | ●                              | ●            |
| Khởi động nút bấm                   | ●                              | ●            |
| Khởi động từ xa                     | ●                              | -            |
| Hệ thống âm thanh                   | 12 loa Bose                    | 10 loa Focal |
| Lấy chuyển số                       | ●                              | ●            |
| Sạc không dây Qi                    | ●                              | ●            |
| Phanh đỗ điện tử                    | ●                              | ●            |
| Giữ phanh tự động Autohold          | ●                              | -            |
| Đèn trang trí nội thất              | ●                              | ●            |
| Rèm che nắng                        | ●                              | -            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX          | -                              | ●            |

#### AN TOÀN:

|                                          |                                              |             |
|------------------------------------------|----------------------------------------------|-------------|
| Số túi khí                               | 6                                            | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS         | ●                                            | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD         | ●                                            | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                | ●                                            | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA  | ●                                            | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa          | ●                                            |             |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm             | ●                                            |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                    | Trước & Sau                                  | Trước & sau |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                | ● (+ hỗ trợ tránh va chạm, hiển thị điểm mù) | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường            | ●                                            | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động           | ●                                            | ●           |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ●                                            | ●           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp            | ●                                            | ●           |
| Camera lùi                               | Camera 360                                   | ● (360)     |